

ĐẠI PHƯƠNG QUẢNG PHẬT HOA NGHIÊM KINH SỞ

QUYỂN 38

Phần 4: Trong phần quả của tu hành, tức là thâm nhiếp Vô tận Hạnh, lìa xa chướng-thành tựu đức, cùng tận chúng sanh giới, bởi vì làm lợi lạc. Quả có hai loại: a-Quả về lìa xa chướng, sinh ra từ hạnh bảo vệ phiền não; b-Quả về thành tựu đức, sinh ra từ hạnh bảo vệ Tiểu thừa.

Phần a: Quả về lìa xa chướng, lại có hai: Một- Quả về xa lìa phiền não cấu nhiễm sinh ra, đây là lìa bỏ Phiền não chướng; Hai- Quả về xa lìa nghiệp cấu nhiễm sinh ra, đây là lìa bỏ Nghiệp chướng. Đều nói là sinh, bởi vì phiền não cấu nhiễm... giống như thức ăn sinh ra. Nay là dựa vào phần vị đứng đầu của pháp xuất thế gian, có thể lìa xa phiền não cấu nhiễm sinh ra.

Mục một- Lìa bỏ Phiền não chướng: Trước là nêu ra thụ động lìa bỏ; sau từ “Ư như thị...” trở xuống là kết luận thành tựu về chủ động lìa bỏ.

Ngay trong mục trước là thụ động lìa bỏ: Đã khởi lên chấp trước ẩn-hiện, đây là tướng tổng quát; còn lại đều là tướng riêng biệt.

Trong tướng tổng quát: Chấp trước là Mạn về pháp hiểu biết trong Địa trước. Luận nói: Ngã tri-Đại tri. Ngã tri nghĩa là chấp vào Ngã có thể nhận biết, Đại tri nghĩa là chấp vào Đại pháp đã nhận biết. Ẩn hiện, là Mạn về Chánh thọ trong Địa trước. Hiện là nghĩa về khởi lên Tam-muội, nghĩa là tu khởi lên Định ấy. Ẩn là nghĩa về diệt mất Tam-muội, nghĩa là do Định mà trừ diệt. Nay nghĩ rằng Ngã có thể tu tập Định này, bởi vì Định này tức là do Ngã mà tu tập. Luận nói: Ngã tu-Ngã sở tu. Đã giải thích về câu tổng quát.

Tướng riêng biệt có năm loại: 1- Bỏ; 2- Khởi; 3- Hành; 4- Hộ; 5- Quá.

Mục 1- Bỏ tức là tất cả Thân kiến đến Uẩn-Giới-Xứ. Trong này, Thân kiến là tổng quát, Ngã... là riêng biệt.

Trong riêng biệt: Bốn loại như Ngã-Nhân... là Mạn về Nhân Ngã, ba loại Uẩn-Giới-Xứ là Mạn về Pháp Ngã, mà nói là Bốn bởi vì có hai nghĩa: a- Bởi vì Ngã này làm căn bản của hai Mạn về Chánh thọ và pháp hiểu biết; b- Thân kiến lại làm căn bản của hai Ngã và sáu mươi hai Kiến. Có sai biệt như vậy. Trong này, Thân kiến nếu dựa theo phần vị thật, dựa theo luận Duy Thức thì Địa này đoạn trừ Thân kiến Câu sinh và lỗi lầm đã khởi lên trong Thức thứ sáu, do đạt được Đạo phẩm xuất thế gian mà đối trị. Bởi vì phân biệt phát khởi, là Địa thứ nhất đoạn trừ. Vì vậy luận Du Già gọi là Tát-ca-da Kiến vi tế. Nếu dựa vào phần vị nương nhờ, dựa theo kinh Nhân Vương thì Địa thứ tư gọi là phần vị Tu-đà-hoàn, bởi vì nương vào đạo xuất thế gian, là cũng có thể đoạn trừ Thân kiến phân biệt.

Mục 2- Tư duy là trình bày về Khởi, nghĩa là bởi vì tư duy không đúng đắn mà khởi lên Mạn.

Mục 3- Quán sát là trình bày về Hành, nghĩa là trong duyên của tâm hành phần nhiều quán sát về pháp đã đạt được, hoặc là Pháp-hoặc là Định, bởi vì tìm kiếm về tướng thù thắng, khiến cho người khác nhận biết.

Mục 4- Từ “Trị cố...” trở xuống có ba câu trình bày về Hộ (Bảo vệ) để đối trị, là luôn luôn quán sát tu tập đối trị về pháp đã nhận biết. Ngã sở, là khởi lên Ngã tướng giữ lấy tướng thù thắng ấy, bởi vì thuộc về chính mình. Tài vật, như người tích chứa tài sản mà duy trì bảo vệ để thọ dụng. Dùng ba sự việc trên để phòng hộ những pháp mà mình đã đạt được.

Mục 5- Đắm theo nơi chốn là trình bày về Quá (lỗi lầm), là bởi vì tâm kiên quyết an trú trong hai sự việc của Pháp-Định.

Trong năm loại: Ba loại trước là phương tiện khởi lên Mạn, hai loại sau là thuận theo giúp cho tâm Mạn. Tổng quát và hiển bày về tướng trên đây chính là pháp đã khởi lên.

Trong mục sau là kết luận về lìa bỏ, bởi vì đạt được phương tiện Chánh-Trợ của Đạo phẩm, cho nên không có gì không lìa bỏ.

Mục hai- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trình bày về lìa bỏ nghiệp cấu nhiễm, tu Đạo phẩm trên đây chính là lìa bỏ phiền não, phiền não đã trừ bỏ thì nghiệp cũng tùy theo không còn, không còn nghiệp bất thiện mà tu nghiệp thiện. Trong văn có hai: Trước là không còn pháp ác, sau là tiến thêm pháp thiện. Pháp ác có hai nghĩa, vì vậy không nên làm: 1- Phật không khen ngợi, là tôn kính Phật mà không làm; 2- Phiền não cấu nhiễm, là sợ tiếng xấu mà không làm, bởi vì tiếng xấu thì trái

với Đạo lợi ích cho chúng sinh. Tiến thêm pháp thiện có hai nghĩa, trái với pháp ác có thể biết. Lại không làm cấu nhiễm do phiền não, khác với nghiệp của phàm phu; làm thuận theo nghiệp của đạo Bồ-tát thì khác với Nhị thừa.

Phân b: Trong quả về thành tựu đức, có bốn: Một-Đối với công đức thù thắng sinh ra quả của tâm mong muốn (Dục) tăng thượng; Hai- Trong sự tôn kính đối với pháp thuyết giảng ấy, khởi lên quả báo ân; Ba- Trong hành phương tiện ấy, phát ra quả chịu khó tinh tiến; Bốn- Quả đầy đủ cảnh giới của bốn tâm mong muốn tăng thượng ấy.

Trong bốn quả này: Ba quả trước thuận theo trước sinh ra, một quả sau lại sinh ra từ ba quả này.

Trong ba quả trước: Hai quả đầu là quả về bảo vệ tâm Tiểu thừa, một quả sau là quả về bảo vệ hạnh Tiểu thừa.

Quả một: Do mong muốn của mình là trên mong cầu giáo pháp-dưới cứu giúp chúng sinh. Nay lại vì chúng sinh mà quay lại chuyển lên phía trên để mong cầu giáo pháp, cho nên nói là tăng thượng.

Trong văn có hai: Trước là nhắc lại nhân tu tập trước đây, sau từ “Như thị nhi đắc...” trở xuống là hiển bày về quả đã đạt được.

Mục trước tức là nhắc lại câu tổng quát trong hạnh bảo vệ Tiểu thừa trước đây. Tùy theo Tuệ phương tiện đã khởi lên, là nhắc lại hạnh không rời bỏ tất cả chúng sinh trước đây. Không rời bỏ chúng sinh mà tu Đạo phẩm, là có phương tiện, bởi vì Tuệ hiểu rõ về Đạo phẩm. Tu tập đối với Đạo và Trợ đạo, tức là trước đây tu tập công đức như vậy. Đạo tức là Chứng Trí của Địa thứ tư, Trợ đạo là tức pháp phần Bồ-đề.

Mục sau là hiển bày về quả đã đạt được, có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát nói: Thấm nhuần lợi ích, bởi vì mong muốn sâu xa yêu thương tôn kính, nghĩa là do tu tập hai Đạo mà tự mình có sự thấm nhuần, mong muốn sâu xa tôn kính hướng lên phía trên; do mong muốn sâu xa yêu thương hướng xuống phía dưới, bởi vì chúng sinh và hàm sinh mà tu tập thấm nhuần lợi ích.

Trong riêng biệt có chín câu giải thích về thấm nhuần lợi ích ấy, có ba loại thù thắng:

Một- Tâm hài hòa mềm mỏng (Nhu nhuyễn), trình bày về vui thích thực hành thù thắng, nghĩa là chứng được pháp thích hợp với thần thông.

Hai- Điều hòa thuận theo (Điều thuận), nghĩa là điều hòa khéo léo thuận theo vô ngại trong duyên, là Tam-muội tự tại thù thắng. Hai

loại trên là Thể của Hành.

Ba- Từ “Lợi ích...” trở xuống có bảy câu, trình bày về lìa bỏ lỗi lầm, là đối trị thù thắng, đây là Dụng của Hành.

Trong đó: Câu đầu là tổng quát về Lợi tha mà không có lỗi lầm, lợi ích về Tự lợi mà không có lỗi lầm. Từ “An lạc...” trở xuống là sáu câu tùy theo lỗi lầm riêng biệt hiển bày, nếu không nương vào đối trị thì khó hiển bày về đức của tánh thanh tịnh.

Sáu câu tức là lìa bỏ sáu lỗi lầm, trong kinh đều là chủ động đối trị: 1- Không có tâm tạp nhiễm, đối trị lỗi lầm về ăn uống vì Lợi, và lỗi lầm về tâm ganh ghét vì Danh. 2- Đối trị lỗi lầm về ít ham muốn công đức. 3- Đối trị lỗi lầm về không mong cầu Trí thù thắng. Ba câu trên đều là Tự lợi. 4- Đối trị lỗi lầm về giải đãi không thâu nhiếp chúng sinh. Bốn câu trên đều lìa bỏ lỗi lầm phát sinh đối với Hạnh, hai câu sau là lìa bỏ lỗi lầm phát sinh đối với Giáo. 5- Đối trị lỗi lầm về tự giữ lấy kiến thức của mình mà không thuận theo Giáo thù thắng. 6- Đối trị lỗi lầm về rời bỏ làm đầu mà không thuận theo thuyết giảng để thực hành.

Như thuyết tu hành, ở trong Văn-Tư thật là đứng đầu, nay rời bỏ pháp đứng đầu ấy cho nên trở thành lỗi lầm. Lại cứu giúp chúng sinh trên đây tức là quả của Bi trước đây, cầu mong Trí thù thắng tức là quả của mong cầu hướng lên trên.

Quả hai: Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là trong sự tôn kính đối với pháp thuyết giảng ấy, khởi lên quả của tâm báo ân, nghĩa là trong Địa trước nghe pháp từ Phật, là tôn kính đối với pháp thuyết giảng, nay khởi tâm tu tập thực hành lưu truyền giáo pháp, là bởi vì báo ân của chư Phật. Trên là mong cầu Chứng trí, bởi vì nhận biết Phật có ân đức, cho nên nay suy nghĩ để báo đáp cũng là quả của mong cầu hướng lên trên. Trong văn: Trước là riêng biệt trình bày, sau là tổng quát kết luận.

Mục trước có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Trong tổng quát nói: Nhận biết ân đức, nghĩa là nếu tùy thuận lời Thầy chỉ dạy, thực hành hạnh báo ân, thì mới chính là nhận biết ân đức.

Trong riêng biệt, hạnh ấy có chín loại, tương tự thâu nhiếp làm bảy: 1- Biết báo ân, là dựa vào sự tôn kính mà khởi tâm báo ân, tôn kính tức là Đức Phật. Đây là ân quan trọng nhất, cho nên chỉ gọi là báo ân. 2- Có hai câu, dựa vào pháp giống nhau mà khởi tâm báo ân. Đây gọi là thuận theo ý của Thiện hữu cùng nhau thực hành. 3- Có hai câu về thẳng thắn-mềm mỏng, dựa vào pháp mà khởi hạnh, nghĩa là tùy

thuận thọ giáo không trái với lời Thầy dạy bảo, cho nên nói là thẳng thắn; phát khởi sự việc tu hành dù gặp gian khổ cũng có thể chịu đựng, cho nên nói là mềm mỏng. 4- Không có rừng rậm của hành, dựa vào áo quần-ăn uống đã thọ dụng, đối với Thí chủ không che giấu lỗi lầm của mình. 5- Tuy thật sự có đức mà không cao mạn. 6- Khéo léo tiếp nhận sự dạy dỗ hiểu được lời Thầy giảng thích. 7- Đối với lời dạy không trái ngược, đạt được ý nghĩa của Thầy.

Trong bảy loại trên: Hai loại đầu dựa vào con người, ba loại tiếp dựa vào thực hành, hai loại sau dựa vào dạy dỗ, chỗ dựa tuy khác nhau mà đều báo ân giống nhau.

Mục sau từ “Thử Bồ-tát như thị...” trở xuống là tổng quát kết luận, nghĩa là mười câu không ra ngoài ba Nhãn này, tức là tâm vô cùng hài hòa khéo léo cùng trú trong an lạc, điều hòa mềm mỏng tức là thẳng thắn chân thật, hài hòa mềm mỏng vắng lặng rỗng rang tức là tổng quát kết luận các câu còn lại.

Quả ba: Từ “Như thị nhãn điều nhu...” trở xuống là trong hành phương tiện ấy phát ra quả chịu khó tinh tiến, nghĩa là thực hành hạnh Tự lợi-Lợi tha mà chịu khó không mệt mỏi. Ở trong hạnh bảo vệ Tiểu thừa không rời bỏ chúng sinh trước đây, chịu khó tu tập cho nên gọi là hạnh phương tiện, trong này chính là tướng của Vô tận Hạnh.

Trong văn có hai: Trước là nhắc lại lúc đạt được quả ấy; sau từ “Đắc bất hưu...” trở xuống là chính thức hiển bày, trong đó có mười câu: Đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Riêng biệt có chín loại nghĩa về không dừng nghỉ:

1- Không tạp nhiễm, bởi vì hạnh tinh tiến ấy tuôn chảy bình đẳng; tạp nhiễm, là bởi vì cùng với giải đãi, cùng với nhiễm ô, nhiễm ô thì đắm theo mà thái quá, lười nhác thì rơi rụng mà không đạt tới, như dây đàn căng-chùng, như không tiến lên-không lười nhác là tuôn chảy bình đẳng. 2- Không lui sụt đối với Thừa của mình. Hai loại trên là Tự lợi. 3- Khởi tâm Lợi tha suy nghĩ rộng lớn. 4- Nguyện làm lợi ích cho vô biên chúng sinh, khởi hạnh thâm nhiếp tiếp nhận. Hai loại trên là Lợi tha. Bốn loại trên đây đều là Tự phần, bốn loại sau là Thắng tiến. 5- Hừng hực là chí hướng luôn luôn thuận theo thực hành, giống như ngọn lửa hừng hực tiến lên phía trên không thể dập tắt, Luận về Kinh gọi là Ánh sáng, bao gồm soi chiếu Địa khác. 6- Tu tập vượt qua pháp khác. 7- Ma phiền não không phá hoại được. Ba loại trên là Tự lợi. 8- Thâu nhiếp tiếp nhận chúng sinh tức là Lợi tha. Tám loại trên đều là Hạnh, một loại sau là Giải. 9- Tự mình đoạn trừ nghi hoặc, bởi vì quyết đoán về đúng-

sai, cho nên lời nói như Vô úy có thể làm cho người khác khuất phục. Nếu có thể đầy đủ những nghĩa này thì chính là tu tập đúng đắn.

Quả bốn: Từ “Thị Bồ-tát...” trở xuống là quả đầy đủ cảnh giới của bốn tâm mong muốn tăng thượng ấy: Tâm thuộc phần Bồ-đề là cảnh giới của bốn tâm, Chánh niệm về Chân Như là tu tập Đạo phẩm trên đây, cho nên nói là đầy đủ. Bởi vì tinh tiến, cho nên luận Du Già quyển thứ 48 dựa theo Tinh tiến trước đây, sau vẫn nói rằng: Do nhân duyên này, mà tất cả ý thích, ý thích tăng thượng, Thắng giải về tánh của cảnh giới, đều được viên mãn, cho nên biết rằng quả này sinh ra từ hai quả trước, nghĩa là ý thích tức là quả thứ nhất, ý thích tăng thượng tức là quả thứ hai. Thắng giải về tánh của cảnh giới tức là cảnh giới của tâm này, nghĩa là do Tinh tiến thuộc quả thứ ba khiến cho hai quả trước tăng trưởng, cho nên nói là đầy đủ. Trong văn có mười câu: Câu đầu là tổng quát, còn lại là riêng biệt.

Riêng biệt có chín loại: 1- Tâm sâu xa không mất, bởi vì tu hành tăng thêm tâm thuộc Đạo phẩm ấy. Một loại này là Tự phần, những loại sau đều là Thắng tiến. 2- Ở trong Địa thứ năm trở lên chứng được pháp thù thắng bậc Thượng, trình bày về xem xét mà quyết đoán. 3- Tức là nhân của pháp bậc Thượng chứng được, nghĩa là đối trị, thiện căn đối trị lỗi lầm của hành trước đây, cho nên nói là tăng trưởng. 4- Trừ diệt cấu nhiễm của phiền não chướng đã đối trị. 5- Đoạn trừ sự nghi ngờ bí mật trong Địa này, tức là chướng ngại của Trí, Mạn về pháp vi tế là sự nghi ngờ bí mật, bởi vì không có thâm nhiếp tiếp nhận, thì có thể trừ bỏ. Hai loại trên là trừ bỏ chướng bên trong. 6- Tiếp xúc với cảnh, trình bày về đoạn trừ. 7- Dựa vào vui thích thù thắng, thực hành Tam-muội thích hợp với thần thông. 8- Trên dựa vào Phật lực để giáo hóa chúng sinh. 9- Luận nói: Dựa vào vô lượng Tam-muội hiện tại, mà chướng ngại của Tâm-Trí đều thanh tịnh. Đây là trừ bỏ chướng ngại của Trí trong Định. Nếu thẳng thắn dựa vào văn kinh, thì tổng quát hiển bày về Bốn nguyện đều được thành tựu.

Phần sau là trình bày về Quả của Địa, cũng có ba:

Mục một- Trong quả Điều Nhu có bốn: 1- Hạnh Điều Nhu; 2- Từ “Như Ma-ni...” trở xuống là trình bày về Trí thanh tịnh thuộc Giáo; 3- Từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là hành tướng riêng biệt của Địa; 4- Từ “Phật tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về tướng của Địa.

Trong mục 1 có ba: a- Duyên luyện tập của Hạnh; b- Từ “Giai cung kính...” trở xuống là trình bày về Hạnh chủ động luyện tập; c- Từ “Hựu cánh...” trở xuống là trình bày về đã luyện tập thanh tịnh.

Trong mục b: Một- Hạnh thuộc về phước cúng dường Đức Phật. Hai- Từ “Dĩ thử...” trở xuống là Đại Hạnh hồi hướng. Ba- Từ “U bỉ...” trở xuống là Hạnh thuộc về Tuệ lắng nghe pháp, trong đó: Trước là tại gia; sau từ “Phục ư...” trở xuống là xuất gia.

Nhưng từ Đăng Địa trở lên đầy đủ mười thân pháp giới, hoặc là xuất gia, hoặc là tại gia, đâu chỉ không thể. Nhưng tùy theo nghĩa ẩn-hiện, có-không có, tiến lên-lùi lại, bởi vì ba Địa trước nương vào giống như thế gian, cho nên trở lại dựa vào pháp thế gian. Địa thứ nhất là vua loài người cho nên có, Địa thứ ba là vua cõi trời cho nên không có, Địa thứ tư trở lên nương vào xuất thế gian làm đầu, cho nên trở lại trình bày là có. Biểu thị cho tâm xuất gia, cho nên trình bày ở trong Hạnh Điều Nhu. Muốn thuận theo cõi trời cho nên không có, phân rõ xuất gia không ở trong Nhiếp Báo. Địa thứ sáu trở lên biểu cho chứng pháp bình đẳng, không có xuất gia-không có tại gia, cho nên đều không có xuất gia.

Trong mục c là đã luyện tập thanh tịnh, có Pháp-Dụ-Hợp. Đồ vật trang nghiêm bằng vàng, là bởi vì vàng A-hàm của Địa thứ ba, hiện tại làm đồ vật trang nghiêm cho Chứng Trí của Địa thứ tư này. Tất cả vàng còn lại, tức là vàng của vị lai làm đồ vật trang nghiêm.

Mục 2, là Trí thanh tịnh thuộc Giáo, bởi vì Địa này thành tựu về Chứng Tịnh, từ Thể khởi Dụng cho nên chỉ có văn này. Trước đây dùng Giáo mà thành tựu Chứng, cho nên dụ về vàng làm đồ vật trang nghiêm; nay từ Chứng mà khởi Giáo, cho nên dụ về ngọc Ma-ni phát ra ánh sáng. Ngọc báu Ma-ni tức là Thể của Chứng Trí, không có cấu nhiễm gọi là thanh tịnh, vắng lặng soi chiếu gọi là ánh sáng, viên mãn gọi là vòng tròn (Luân). Đây đủ ba nghĩa trên, cho nên gọi là Chứng Trí.

Nói có thể phát ra ánh sáng, tức là phát ra ánh sáng của A-hàm, nghĩa là dùng Trí thuộc về phạm vi này, mà chứng được nghĩa tiến vào cánh cửa của vô lượng giáo pháp, cho nên ánh sáng chủ động soi chiếu tức là Chứng Trí, giáo pháp thụ động soi chiếu dùng làm nơi chốn của Trí. Chứng có thể soi chiếu khắp nơi, thị hiện đối với Giáo; đạt được ánh sáng của Giáo, dựa vào Chứng khởi lên ngọn lửa, cho nên Địa này gọi là Diệm Tuệ.

Từ “Phi dư bảo...” trở xuống là so sánh với trước để hiển bày về thù thắng. Gió... không hủy hoại là so sánh với loại khác để làm sáng tỏ về kiên cố. Còn lại đều như trước.

Phần ba: Trùng tụng, có mười bảy kệ phân ba: Đầu có mười hai

kệ, tụng về Hạnh của phần vị; tiếp có bốn kệ, tụng về quả của phần vị; sau là một kệ hiển bày về tên gọi, kết thúc thuyết giảng.

Trong mười hai tụng đầu, có bốn: Một- Có một kệ, tụng về phần nhân của tăng trưởng. Hai- Có hai kệ, tụng về phần thanh tịnh. Ba- Có bốn kệ, tụng về phần tu hành tăng trưởng, trong đó: Hai kệ đầu, tụng về hạnh bảo vệ phiền não; hai kệ sau, tụng về hạnh bảo vệ Tiểu thừa. Bốn- Có năm kệ, tụng về quả của tu hành tăng trưởng. Còn lại đều có thể biết.

Đoạn thứ năm: NAN THẮNG ĐỊA

Đầu là nguyên cớ đưa ra, tóm lược có bốn nghĩa:

Một- Dựa theo phần vị nương vào, Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu nương vào xuất thế gian. Trước nương vào quả thứ nhất, ở đây nương vào nghĩa theo thứ tự là A-la-hán, tuy có bốn quả, mà nêu ra đầu-cuối để thâm nhiếp phần giữa. Đây là dựa vào Luận này, dựa theo hành tướng đã quán sát, bởi vì Địa thứ sáu về sau đã quán sát về duyên khởi, nương vào giống như Duyên giác, chỉ có Địa thứ hai nương vào Thanh văn. Kinh Nhân Vương quyển Hạ, kinh Anh Lạc quyển Thượng, dựa theo con người phối hợp với phần vị, bởi vì Địa thứ bảy chưa lìa xa Phần đoạn, cho nên Địa thứ tư-thứ năm-thứ sáu-thứ bảy nương vào giống như Thanh văn.

Hai- Trước đây trình bày về Tuệ tương ứng với Giác phần, nay phân rõ về Tuệ tương ứng với các Đế.

Ba- Trước đây đạt được xuất thế, nhưng chưa có thể thuận theo thế gian; nay có thể dùng năm Minh để thâm nhiếp giáo hóa, cho nên tiếp theo trình bày.

Bốn- Trước đây đạt được ba mươi bảy pháp phần Bồ-đề, nay phân rõ về phương tiện mà thâm nhiếp Bồ-đề.

Ba ý sau này trích ra từ luận Du Già.

Nói là Nan Thắng: Kinh Giải Thâm Mật nói: “Tức là dựa vào pháp phần Bồ-đề ấy, phương tiện tu tập thật là vô cùng gian nan, gọi là Cực Nan Thắng.” Đây là thuận theo phần đầu mà nói.

Kinh Sơ Thắng Phần nói: “Bởi vì khéo léo tu tập pháp phần Bồ-đề...”

Luận Nhiếp Đại Thừa nói: “Dựa vào Trí thuộc Chân đế và Trí thuộc thế gian, lại trái ngược lẫn nhau, kết hợp điều khó kết hợp này mà khiến cho tương ứng.”

Luận Duy Thức giống như ý này, Thế Thân giải thích rằng: “Bởi

vì trong Địa này, Trí nhận biết Chân đế là không có phân biệt, Trí nhận biết về công xảo... của thế gian là có phân biệt. Hai Trí này trái ngược với nhau, thuận theo tu tập khiến cho hòa hợp, có thể hòa hợp điều khó hòa hợp khiến cho tương ứng, cho nên gọi là Cực Nan Thắng.” Đây là bao gồm đầu-giữa và sau.

Luận Du Già nói: “Nay trong Địa này hiển bày rõ ràng Bồ-tát đối với các Thánh đế, Diệu Trí quyết định rất khó có thể hơn được, gọi là Nan Thắng Địa.” Đây là chỉ dựa theo trong Địa.

Luận Trang Nghiêm nói: “Đối với Địa thứ năm này, có hai loại khó: Một- Khó về khuyến khích giáo hóa mà không có buồn phiền; Hai- Khó về chúng sinh không thuận theo mà tâm không có buồn phiền. Bồ-tát ở Địa này có thể gạt bỏ hai loại khó khăn, đối với khó khăn mà đạt được thù thắng.” Đây là phần nhiều dựa theo Địa đầy đủ.

Luận Hiển Dương nói: “Chứng được hoàn toàn thanh tịnh, duyên vào Đế mà nhận biết, thành tựu các Tuệ vi diệu rất khó thành tựu, không trụ vào lưu chuyển, Thánh đạo tịch tĩnh gọi là Cực Nan Thắng.” Đây là trên đại thể giống như phần Căn bản.

Các Kinh-Luận trên đây phần nhiều nêu ra pháp Nan Thắng, chưa biết như thế nào là không có năng lực hơn được?

Luận Thập Trú nói: “Bởi vì lực của công đức thành tựu, cho nên tất cả các Ma không có thể phá hoại.” Đây là đối với con người để hiển bày về thù thắng, cũng bao gồm đối với Ma phiền não làm cho mê hoặc.

Nhưng các Kinh-Luận, ngôn từ khác nhau mà ý nghĩa giống nhau, đều phân rõ về Chân-Tục vô ngại. Nếu căn cứ vào phần vị thật sự, dựa theo kinh Nhân Vương, thì Bồ-tát ở Địa thứ nhất làm Tứ Thiên Vương, tức là đạo bình đẳng cùng soi chiếu hai Đế. Nay dựa theo phần vị nương vào, trước nương vào đạo xuất thế, ở đây mới trở lại tiến vào, cho nên nói là vô ngại. Bởi vì trong Địa này đoạn trừ chướng ngại về Bát Niết-bàn của Thừa dưới, tức là Địa thứ tư trước đây thuộc về xuất thế gian, chán ngán khổ đau sinh tử, vui thích hưởng đến Niết-bàn. Đây là chướng ngại của Địa thứ năm. Nay tiến vào đạo Chân-Tục không có sai biệt, thì có thể đoạn trừ chướng ngại này. Đoạn trừ vui thích-chán ngán, tức là hai Ngũ. Từ đây chứng được Chân Như tương tự không có sai biệt, cùng dựa theo sinh tử và Niết-bàn đều là bình đẳng. Hạnh đã thành tựu ấy cũng thành tựu hai loại, nghĩa là Hạnh thuộc về Tuệ tăng thượng đối với các Đế, Hạnh thuộc về giáo hóa đối với năm Minh. Hai loại này vô ngại cho nên đạt được quả của Pháp thân không có sai biệt,

ý nghĩa đều thuận với nhau.

Tiếp là chính thức giải thích văn. Văn cũng có ba phần:

Trong phần một- Ca ngợi thừa thỉnh, có chín kệ rưỡi phân hai: Đầu là tám kệ rưỡi cúng dường ca ngợi, sau là một kệ thừa thỉnh thuyết giảng.

Trong tám kệ rưỡi phân ba: Một kệ đầu là Bồ-tát cúng dường ca ngợi, một kệ tiếp là chúng Thiên Vương, sáu kệ rưỡi còn lại đều là Thiên Nữ.

Trong sáu kệ rưỡi phân ba: 1- Một kệ đầu là nêu lên. 2- Bốn kệ rưỡi tiếp là ca ngợi, trong đó: Hai kệ trước là cảm ứng đẹp đẽ, đều nói là đã lâu, bởi vì Phật ứng hiện do căn cơ, mà căn cơ khó có được; biển rộng lay động, là biển Trí của Phật lay động mà làm cho biển khổ cạn đi. Hai kệ rưỡi sau là ca ngợi về đức đầy đủ, kệ đầu là đầy đủ Trí đức-Đoạn đức, nửa kệ tiếp là đầy đủ Ân đức, một kệ sau là đầy đủ ba đức này, vì thế cho nên cung kính cúng dường. 3- Một kệ sau là kết luận về ca ngợi.

Sau là một kệ thừa thỉnh thuyết giảng, có thể biết.

Trong phần hai- Chính thức thuyết giảng: Trước là trình bày về Hạnh của phần vị, sau là phân rõ về Quả của phần vị.

Trong phần trước là trình bày về Hạnh của phần vị, Luận phân làm ba: 1- Đối trị Mạn về thù thắng; 2- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như thật tri...” trở xuống là Hạnh thù thắng không trú vào đạo; 3- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát trú thử...” trở xuống là trình bày về quả thù thắng ấy: Đầu tức là đạo Gia hạnh đạo Vô gián bắt đầu trú vào Địa, tiếp theo tức là đạo Giải thoát chính thức trú vào Địa, sau tức là đạo Thắng tiến của Địa đầy đủ.

Phần 1: Đối trị Mạn về thù thắng. Mạn có hai loại: Một- Mạn về Địa khác, nghĩa là trong Địa thứ tư đạt được Trí xuất thế gian, giữ lấy tướng thù thắng ấy, gọi là Mạn về thù thắng, nay dùng mười loại tâm thanh tịnh để đối trị. Hai- Mạn về Địa mình, nghĩa là mong cầu tướng thù thắng đối với mười tâm này, thuận theo lấy làm Mạn. Bởi vì tùy thuận như đạo để đạt đến, cho nên hai loại này gọi chung là Mạn về thù thắng. Một phần này có hai đạo ấy. Luận nói: Đối trị Mạn về thù thắng, nghĩa là mười tâm bình đẳng rất thanh tịnh, là chủ động đối trị của phần trước. Lại nói: Tâm đồng niệm về không thối chuyển, là chủ động đối trị của phần sau. Nói về Đồng niệm, tức là câu tổng quát ở phần sau, bởi vì thuận theo Như, đồng một niệm với Như. Không thối chuyển, tức là câu cuối của phần sau, sơ lược nêu ra phần trước-phần sau, mà bao

quát phần giữa, Địa trước đối trị Mạn về pháp hiểu biết, Địa này đối trị Mạn phân biệt về thân thanh tịnh, pháp đã đối trị có khác chứ không lẫn với Địa trước. Nói thân thanh tịnh, bởi vì đạt được thân không cấu nhiễm thuộc Trí xuất thế.

Trong văn có hai: a- Đối trị Mạn về Địa khác; b- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát trú thử...” trở xuống là đối trị Mạn về Địa mình.

Trong phần a, Đối trị Mạn về Địa khác, có ba: Một- Kết thúc phần trước nêu lên phần sau; Hai- Đưa ra chính thức hiển bày; Ba- Kết luận có thể tiến vào Địa.

Mục một: Bình đẳng có hai nghĩa: Một là như lý, hai là pháp thanh tịnh của nhân quả. Ngàn Thánh cùng chung khuôn phép, gọi là tâm thanh tịnh sâu xa, vốn là quán sát hiểu biết (Quán giải) của Địa này. Luận nói: Ở trong bình đẳng mà tâm đạt được thanh tịnh. Điều này lại khác gì quán sát mười pháp bình đẳng của Địa sau? Ở đây có ba điều khác nhau: 1- Địa này đối trị về thanh tịnh khởi lên Mạn trước đây, cho nên chỉ trình bày về pháp thanh tịnh bình đẳng; Địa sau so sánh với Địa này dựa vào Chân-tiến vào Tục, bao gồm quán sát các pháp nhiễm-tịnh thấy đều bình đẳng. 2- Địa này dựa theo nêu ra Lý bình đẳng để hiển bày về tâm thanh tịnh, Địa sau nêu ra quán sát để tiến vào Lý bình đẳng. 3- Địa này bao gồm Lý-Sự bình đẳng, Địa sau luôn luôn dựa theo Lý dung thông hai Đế. Vì vậy ở đây mỗi một Địa đều rời bỏ lẫn nhau về sau dần dần thù thắng.

Mục hai- Trong chính thức hiển bày có mười tâm, phân hai: Ba tâm đầu trình bày về pháp của chư Phật, Luận nói: Nghĩa là Lực... của ba đời, tức là mười Lực... của quả vị. Bảy tâm sau trình bày về tùy thuận pháp của chư Phật, Hạnh thuộc nhân của Tự lợi-Lợi tha thuận theo mà thành tựu quả, trong đó sáu tâm trước là Tự lợi, một tâm sau là Lợi tha.

Trong sáu tâm trước hợp lại làm ba Học: Một tâm đầu là Giới, một tâm tiếp là Định, bốn tâm còn lại là Tuệ. Tách ra làm bảy Thanh tịnh: 1- Giới thanh tịnh. 2- Định thanh tịnh. 3- Kiến thanh tịnh. 4- Độ nghi thanh tịnh. Kiến và Nghi hiển bày lẫn nhau, kinh hợp lại một câu mà làm thành mười. 5- Đạo và Phi đạo thanh tịnh. Ở đây năm thanh tịnh trước, tên gọi của Đại-Tiểu giống với Tiểu thừa. 6- Gọi là Hành thanh tịnh. 7- Hành đoạn thanh tịnh. Bởi vì trong Tông ấy hướng về Tận diệt.

Nay theo Đại thừa thì 6 gọi là Hành Đoạn, Kinh nói: Tu hành tri kiến. Lực bỏ không có chữ Đoạn. 7 gọi là Tư lượng pháp phần Bồ-đề Thượng Thượng thanh tịnh, bởi vì dựa vào Hành Đoạn khởi lên mong

cầu thù thắng.

Nếu dựa theo phần vị: Hai tâm đầu thuộc về trước Kiến đạo, bởi vì mới rời bỏ phàm phu, lỗi lầm nên dùng Giới để phòng hộ, muốn sinh Tuệ chân thật thì lý cần phải luyện tập về Định, nhưng chưa hợp với lý, cho nên phân định thuộc về thế gian. Ba tâm tiếp thuộc về Kiến đạo, bởi vì trong Kiến đạo đoạn trừ Thân kiến, đoạn trừ Nghi, đoạn trừ Giới thủ. Giới thủ là Phi đạo, nhận biết về Tuệ vô lậu là Chánh đạo. Lúc tiến vào Kiến đạo, mười Sử cùng đoạn trừ. Chỉ nói về ba loại, là bởi vì kinh Niết Bàn nói về ba loại này vốn nặng nề.

Lại trong mười Sử thì năm Kiến và Nghi chỉ chướng ngại đến Kiến đạo, bốn loại còn lại bao gồm Kiến đạo-Tu đạo, cho nên lược bớt không nói.

Ngay trong sáu loại ấy, thì ba loại là Căn bản phiền não, ba loại là Tùy phiền não. Chỉ nói về Căn bản phiền não, bởi vì Biên kiến tùy theo Thân kiến, Tà kiến tùy theo Nghi, Kiến thủ tùy theo Giới thủ, đoạn trừ ba Kiết thì ba Tùy phiền não cũng đoạn theo, cho nên chỉ thiết lập ba thanh tịnh.

Năm loại trước thì Đại-Tiểu đều giống nhau. Tiểu thừa thì Hành thanh tịnh thuộc về Tu đạo, bởi vì khởi lên Đoạn hành; Hành Đoạn thuộc về đạo Vô học, bởi vì dựa vào Hành mà Chứng Đoạn. Đại thừa thì hai loại sau đều thuộc về Tu đạo, bởi vì đoạn trừ chướng-thành tự đức cho nên có hai, mà Hành thật sự thì cùng lúc.

Nếu dựa theo phần vị, thì phân ra Địa thứ bảy trở về sau là Hành Đoạn, bởi vì Tu đạo mà đoạn trừ Kiết; Địa thứ tám trở lên tiến vào trong dòng pháp, thuận với Bồ-đề, cho nên gọi là Tư lượng Thượng Thượng. Văn còn lại dễ hiểu.

Phần b, là trình bày về Hành như đạo (Tức là đối trị Mạn về Địa mình).

Lại thuận theo ý của Kinh, trước là trình bày về tâm tiến vào (Nhập tâm), từ đây trở xuống đều trình bày về tâm trú vào (Trú tâm). Thuận theo phân làm ba: 1- Thâu nhiếp Phương tiện cụ túc Trú, tu tập thực hành mười tâm, là nghĩa của phương tiện, không thối chuyển tức là nghĩa của Trú. 2- Hạnh thù thắng không trú vào đạo, thâu nhiếp Ly si loạn Hạnh, bởi vì Trí thanh tịnh... không có si loạn. 3- Quả ấy thù thắng, thâu nhiếp Vô tận công đức tạng Hồi hướng, bởi vì thâu nhiếp Đức vô tận.

Nay lại thuận theo Luận, ở đây trình bày Hành về đạo thuộc Như, trong đó có ba: Một- Nêu lên phần vị để hiển bày tùy theo Như, đã tiến

vào Địa thứ năm; Hai- Từ “Dĩ thiện...” trở xuống là tổng quát hiển bày; Ba- Từ “Nguyện lực...” trở xuống là riêng biệt hiển bày.

Trong mục hai là tổng quát hiển bày, có bốn câu đều là đích thực tu tập các hành, cho nên tổng quát gọi là thuận theo Như, nghĩa là: Hai câu trước là pháp thụ động đối trị, tức là tu tập pháp phần Bồ-đề của Địa thứ tư, bởi vì mười tâm trước đây có thể hoàn toàn thanh tịnh, nhất định tiến vào Địa thứ năm. Đối với tâm thanh tịnh này mong cầu về tướng thù thắng, thì lại là Mạn, bởi vì Mạn ở văn khác. Dùng hai câu sau mà làm chủ động đối trị, câu đầu chuyển sang mong cầu Hạnh thù thắng không trú vào đạo là chủ động đối trị, nghĩa là không trú vào tâm thanh tịnh mà khởi lên các hạnh, tức là đối trị Mạn về trú trong thanh tịnh. Câu sau tuy khởi lên các hạnh, mà không lui sụt mất đi tâm rất thanh tịnh bình đẳng trước đây, thì có thể tùy thuận Chân Như, bởi vì bình đẳng tức là Như.

Trong mục ba: Là riêng biệt hiển bày, hiển bày về Hành tùy theo Như trên đây. Có tám loại, Kinh có chín câu: Bảy câu trước đều là một loại, hai câu sau làm một loại.

Trong tám loại: Hai loại trước là tâm khởi Hạnh: 1- Nguyện về Tự lợi, tức là tâm tu tập Bồ-đề; 2- Từ thuộc về Lợi tha, tức là tâm không mệt mỏi chán nản. Sáu loại sau là Hạnh, đó là: 3- Đạt được Lực của thiện căn; 4- Không rời bỏ các Hạnh; 5- Khéo léo tu tập thực hành; 6- Không hề thỏa mãn cho nên soi chiếu sáng tỏ đến mức cao nhất; 7- Đạt được Lực thù thắng từ nơi khác; 8- Tự mình đạt được Lực thù thắng. Ở đây có hai câu: Câu đầu là đầu đủ ba Tuệ, Niệm là Văn-Tư, Trí tức là Tu tuệ; câu sau là Thắng tiến cứu cánh. Trong sáu hành trên đây, ba hành trước là Tự phần, ba hành sau là Thắng tiến, đều có đầu-giữa-sau, suy nghĩ điều này!

Phần 2: Là Hạnh thù thắng không trú vào đạo, có hai loại quán: a- Trí thanh tịnh thù thắng trong pháp đã nhận biết; b- Từ “Phật tử, chí đắc như thị chư đế...” trở xuống là phương tiện thù thắng chịu khó làm lợi ích cho chúng sinh.

Phần a tức là Tự lợi, Hạnh bảo vệ phiền não cho nên không trú vào thế gian; phần b tức là Lợi tha, Hạnh bảo vệ Tiểu thừa, không trú vào Niết-bàn, cùng lúc dẫn dắt nhau, gọi là không trú vào đạo.

Phần a: Trí thanh tịnh thù thắng, phân hai: Một- Trình bày phân biệt về Thật pháp của bốn Đế; Hai- Từ “Thiện tri Tục...” trở xuống là trở lại dựa vào bốn Đế này trình bày về sai biệt của mười môn Quán giáo hóa chúng sinh. Đây chính là mười loại quán sát đối với bốn Đế,

chứ không nói là quán sát mười loại bốn Đế. Vì vậy, phẩm Trú của luận Du Già nói: “Địa này đối với bốn Thánh đế, do mười hành tướng mà nhận biết rõ ràng đúng như thật.”

Mục một- Nói về Thật pháp, là có Phật-không có Phật, thì Thể của Khổ đế-Tập đế là nhân quả tạp nhiễm của vọng tưởng, Thể của Diệt đế-Đạo đế là nhân quả thanh tịnh của xuất thế gian. Đây là dựa theo Thật nghĩa của Đế để giải thích. Nếu dựa theo suy xét tướng tận (Thẩm đế) để giải thích, thì hai Đế trước không có Phật, không thể nào nhận biết đây là Khổ-là Tập, lẽ nào có nhân quả Diệt-Đạo của hai Đế sau? Còn lại như phẩm này trình bày.

Trong mục hai là mười Quán, sơ lược đưa ra bốn mục:

Mục 1- Chế lập: Nghĩa là nghĩa về bốn Đế hàm chứa pháp giới, Bồ-tát soi chiếu tận cùng không sót lại gì, tùy theo Trí khác nhau mà nói khó tận cùng, sơ lược nêu ra mười để trình bày về Vô tận. Nhưng mười loại này đều là từ Trí của Bồ-tát, bởi vì tướng của Trí khó trình bày, cho nên Luận dựa theo giáo hóa chúng sinh để trình bày về sự sai khác ấy, vì vậy gọi chung là Trí thanh tịnh thù thắng trong pháp đã nhận biết.

Mục 2- Trình bày về khai-hợp: Mười loại này tổng quát chỉ là một phân biệt về giáo hóa chúng sinh. Nếu tùy theo chúng sinh đã giáo hóa thì Đại-Tiểu phân hai: Bởi vì chín loại trước là giáo hóa Tiểu thừa, một loại sau là giáo hóa Đại thừa. Nếu tùy theo giáo hóa mà phát khởi thì phân làm ba: Bởi vì năm loại trước là phát sinh về Giải, bốn loại tiếp là phát khởi về Hạnh, một loại sau là khiến cho Chứng. Dựa theo con người không giống nhau thì tách ra mà làm bảy: Bởi vì một là căn chưa thuần thực, cho đến bảy là Đại thừa có thể giáo hóa. Đến văn sẽ nhận biết.

Mục 3- Đối với Thật pháp để trình bày về tổng quát-riêng biệt. Mười loại này hướng về bốn Đế trước đây: Năm loại trước là tổng quát quán sát về bốn Đế, nghĩa là: Một- Thể tục, là quán sát về pháp tướng của bốn Đế; Hai- Quán sát về tánh Không của pháp tướng; Ba- Tổng quát quán sát về tánh-tướng vô ngại; Bốn- Quán sát về tánh-tướng đều sai khác; Năm- Quán sát về bốn Đế này là duyên khởi tích tập mà thành. Bốn loại tiếp là riêng biệt quán sát về bốn Đế, nghĩa là: Sáu-bảy-tám-chín như thứ tự quán sát về Khổ-Tập-Diệt-Đạo. Một loại sau là chỉ quán sát về Diệt-Đạo, bởi vì nhân của Bồ-tát Địa là Chứng được Trí của Phật.

Viễn Công nói: “Năm loại sau cũng tổng quát quán sát về bốn

Đế, nghĩa là mê mờ bốn Đế mà trở thành Khổ-Tập, tử ngộ bốn Đế mà thành tựu Diệt-Đạo; một loại sau là tận cùng về pháp giới thanh tịnh là Thật tánh của duyên khởi thuộc bốn Đế, thành tựu đạo của Đại thừa, cũng có Lý này.”

Mục 4- Chính thức giải thích văn: Văn phân làm hai: Đầu là nêu ra mười tên gọi. Sau từ “Thử Bồ-tát...” trở xuống là theo thứ tự giải thích, trong đó tóm lược đưa ra hai cách giải thích: a- Dựa vào luận Du Già; b- Dựa vào Luận này.

Mục a- Dựa vào luận Du Già. Luận Du Già có mười câu, không hiển bày về văn từ mà tóm lược về nghĩa đã nói, thiếu phần nhận biết thứ mười ở Bồ-tát Địa, nhưng cũng có mười câu, văn có ba tiết:

Tiết một- Ba câu đầu gọi là nói về điều này (Thử thuyết), nghĩa là bởi vì những việc đã làm: 1- Dựa vào hiểu biết về nơi khác, cho nên nhận biết về Tục đế. 2- Dựa vào Nội Trí của mình, cho nên nhận biết về Đệ nhất nghĩa. 3- Dựa vào cùng nơi chốn, cho nên nhận biết về tướng của Đế, nghĩa là Tự tướng là Tục, Cọng tướng là Chân, hai Thể không tách rời cho nên gọi là cùng nơi chốn (Câu xứ).

Tiết hai- Hai câu của Kinh này, Luận ấy thuận theo có ba tên gọi. Bởi vì nói về điều này, nghĩa là bởi vì pháp đã nói của ba Tạng giáo, cho nên nói là dựa vào tên gọi Điều Phục Bốn Mẫu ở Khế kinh. Bởi vì trong Kinh nói về điều này, thuận theo phần vị sai biệt là Điều Phục, nhận biết về nghĩa của Uẩn-Giới-Xứ là Bốn Mẫu. Trong này, nghĩa thứ mười là Khế kinh.

Tiết ba- Có bốn câu gọi là như nói về điều này, nghĩa là như tướng của bốn Đế mà nhận biết khác nhau, tức là dựa vào tự tánh của các khổ ở hiện tại mà nhận biết về Đế thuộc Sự, dựa vào tánh thuộc về nhân của Sinh là khổ ở vị lai, dựa vào tánh của Vô sinh thuộc về Tận ấy là nhân của Tận, dựa vào tánh thuộc về phương tiện của Đoạn là đối với tu tập, như thứ tự có thể biết.

Mục b- Dựa vào Luận này, thấu nhiếp mười làm bảy tiết:

Tiết một- Vì chúng sinh căn cơ chưa thuần thực, nghĩa là chưa có thể tiến vào Đại thừa, vì họ mà thuyết giảng về mười sáu hành của bốn Đế..., gọi là nhận biết về Thế đế, tức là Tục trong lớp thứ ba, trong bốn lớp-hai Đế, không giống như luận Du Già bao gồm Đại-Tiểu và căn cơ chưa thuần thực-đã thuần thực (Sinh thực).

Tiết hai- Vì chúng sinh căn cơ đã thuần thực, có thể tiến vào Đại thừa, vì họ mà thuyết giảng về Pháp Không thuộc Đệ nhất nghĩa đế.

Tiết ba- Vì chúng sinh nghi hoặc mà nhận biết về tướng của Đế,

nghĩa là có người nghe đến Đệ nhất nghĩa đế, do dự không quyết đoán, nếu như là Không thì không có nhân quả, nếu như là có thì vì sao nói là Không? Nay trình bày ngay nơi Tục, Tự tướng là Không, Cọng tướng-cùng nơi chốn không có trái nhau, cho nên gọi là tướng của Đế.

Tiết bốn- Vì chúng sinh hiểu biết sai lầm mê hoặc đối với pháp sâu xa, mà nhận biết sai biệt, nghĩa là trước duyên vào hai cảnh cho nên gọi là nghi ngờ, nay nghe cùng nơi chốn liền nói là một, gọi là hiểu biết sai lầm. Nay trình bày về Thể tuy không khác mà tánhướng-phần vị rõ ràng sai biệt.

Tiết năm- Vì chúng sinh lìa xa Chánh niệm mà nhận biết về Đế thành lập, nghĩa là đã nghe đến sai biệt, nói là đều có Thể, gọi là lìa xa Chánh niệm. Nay trình bày về sai biệt chỉ là duyên thành, không có tự tánh, cho nên nói là thành lập, tùy theo ngôn từ mà biểu hiện rõ ràng. Luận về Kinh gọi là thuyết giảng về Đế thành lập.

Tiết sáu- Vì chúng sinh Chánh kiến, nhận biết về bốn Đế thuộc về Sự..., bởi vì không có nghi ngờ chấp trước, cho nên gọi là Chánh kiến, có thể khiến cho nhận biết Khổ-đoạn trừ Tập-chứng về Diệt-tu về Đạo. Sự tức là Khổ đế, Sinh tức là Tập nhân, Vô sinh là Diệt, Nhân không còn là Tận, tức là Tận trí. Quả đời sau không khởi lên gọi là Vô sinh, tức là Vô sinh trí. Nếu theo Tiểu thừa mà nói, thì phiền não hiện tại không còn gọi là Tận, người lợi căn giữ gìn phiền não ấy, trước mắt lại không khởi lên gọi là Vô sinh. Tận-Vô sinh này là Thể của Diệt ấy, Trí thuộc Vô học như vậy mà nhận biết. Ý thuộc về giữ lấy Diệt, bởi vì là Đạo của Diệt đế. Nói không hai, Luận về sau lại giải thích rằng: Vốn là Nhất hành, nghĩa là xứng với Diệt mà nhận biết, cho nên nói là Nhất hành. Trước nêu ra bốn Đế thuộc về Thật pháp để trình bày về pháp đã quán sát, bốn Đế trong này là trình bày nên quán sát như vậy.

Tiết bảy- Vì chúng sinh Đại thừa có thể hóa độ, mà nhận biết về Bồ-tát Địa cho đến Đế thuộc Trí của Như Lai, nghĩa là trước phải giáo hóa trú vào Đại thừa mà khiến cho tiến lên. Nói tất cả tướng của Chánh giác, bởi vì Đại thừa cần phải khéo léo nhận biết đối với năm Minh, Bồ-tát Địa là nhân. Nói thứ tự nối tiếp nhau, là như từ Địa thứ nhất tiến vào Địa thứ hai, cho đến Địa thứ mười tiến vào Đại quả của Phật Địa. Bởi vì Tín-Giải..., là giải thích về những nghi ngờ khác, từ Địa thứ sáu trở lên cho đến Trí của Phật, chưa từng Chứng nhập thì vì sao nhận biết về điều ấy? Vì vậy ở đây giải thích rằng: Tin hiểu cảnh tượng trong gương là nhận biết do lực của Trí quán sát chứ không phải là thành tựu, bởi vì cảnh tượng trong gương Trí tức là hình ảnh để quán sát, mà chưa đạt

được thể chất vốn có (Bản chất).

Phần b: Trong phương tiện thù thắng chịu khó làm lợi ích cho chúng sinh, có hai: Một- Tổng quát khởi lên quán sát thuộc Bi; Hai- Từ “Phật tử...” trở xuống là riêng biệt khởi lên quán sát thuộc Bi.

Trong mục một- Tổng quát khởi lên quán sát thuộc Bi, có ba: 1- Kết thúc phần trước; 2- Từ “Như thật...” trở xuống là quán sát lỗi lầm; 3- Từ “Bồ-tát...” trở xuống là khởi lên Bi.

Trong mục 2 là quán sát về lỗi lầm: Trước là trình bày về không phải chân thật, sau từ “Cuống hoặc...” trở xuống là so sánh với người làm sáng tỏ về lỗi lầm.

Mục trước: Hai chữ Hư Vọng là quán sát năm Uẩn bên trong, nghĩa là Vọng tưởng-Thường... không tương tự không có, vốn là Hư. Đây là trình bày về thụ động giữ lấy không phải chân lý không có, bởi vì không giống như tình có, cho nên nói là không tương tự không có. Thường dấy lên sự việc về Mạn của Ngã tưởng, vốn là Vọng. Đây là phân rõ về chủ động giữ lấy không thật, không phải có mà chấp là có. Thường-Lạc-Ngã-Tịnh đều gọi là Ngã tưởng, không chỉ riêng Ngã kiến, bởi vì Ngã là căn bản cho nên chỉ nói là Ngã tưởng. Hai chữ Trá Ngụy là quán sát sáu Trần bên ngoài, pháp thế gian lôi kéo giữ lấy người ngu, vốn là Trá. Đây là hiển bày về chủ động giữ lấy mê mờ về Chân, nghĩa là bởi vì tùy tiện giữ lấy, khiến cho pháp thế gian ấy ẩn kín Hư-giả làm Thật, làm cho tham lam giữ lấy nó. Pháp thế gian cuối cùng hủy hoại, vốn là Ngụy. Đây là trình bày về thụ động giữ lấy không thật, pháp thế gian tương tự nối tiếp nhau, tựa như có ý nghĩa lợi ích, mà thật sự nhanh chóng diệt mất chứ không có lợi ích, vốn là Ngụy.

Mục sau là so sánh với người làm sáng tỏ về lỗi lầm: Hai cảnh Hư-Ngụy trên đây dẫn dắt tâm, tổng quát gọi là Cuống (Lừa dối); hai tâm Vọng-Trá mê muội về cảnh, đều gọi là Hoặc. Luận nói: Tương của Thường... không có, không phải là có mà tựa như có, ý đích thực giữ lấy trong sự việc hư rỗng. Đây giải thích về Hư là nghĩa của Cuống, nghĩa là bởi vì khiến cho ý đích thực giữ lấy là lừa dối. Lại nói: Bởi vì đích thực giữ lấy sự việc về Mạn của Ngã tưởng, sự việc về Vọng là tai họa. Đây là giải thích về Vọng là nghĩa của Hoặc. Bởi vì lợi ích của pháp thế gian không còn, sự việc lừa dối dẫn dắt tâm. Đây là giải thích về Ngụy là nghĩa của Cuống. Bởi vì phạm phu ngu si bị pháp thế gian dẫn dắt giữ lấy, sự việc đối trá hiện bày lẫn nhau. Đây là giải thích về Trá là nghĩa của Hoặc. Người ngu tức là người dựa vào pháp thế gian đích thực giữ lấy Ngã mạn.

Mục 3, là khởi lên Từ Bi, bởi vì thương xót, Bi mà làm lợi ích thù thắng, Từ là Hạnh thù thắng không trú vào đạo, cho nên nói là chuyển sang tăng lên. Điều nói là Đại, bởi vì thù thắng so với Địa trước. Nói là ánh sáng, bởi vì thành tựu Trí phương tiện cứu giúp chúng sinh, ánh sáng chuyển sang tăng lên, cùng bao gồm Từ Bi. Văn có phỏng theo tóm lược. Chuyển sang phần Từ Bi trước đây giống như chư Phật, cho nên gọi là Sinh.

Trong mục hai là riêng biệt khởi lên quán sát thuộc Bi, có hai: 1- Trình bày về Nguyên giáo hóa chúng sinh; 2- Từ “Như thật quán...” trở xuống là trình bày về tâm giáo hóa người khác.

Mục 1: Trước là nhắc lại đạt được trước đây là lực của Trí, gần là nhắc lại quán sát về hữu vi, xa là nhắc lại quán sát về các Đế, không rời bỏ chúng sinh là nhắc lại Từ Bi trước đây. Sau là thường mong cầu Trí của Phật, chính thức trình bày về khởi Nguyên, bởi vì Nguyên là nghĩa về cứu giúp chúng sinh.

Trong mục 2, là tâm giáo hóa người khác, có hai: Trước là trình bày về quán sát Đại Bi; sau từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát phục tác thị niệm: Thử chư chúng sinh...” trở xuống là trình bày về quán sát Đại Từ.

Trong mục trước là trình bày về quán sát Đại Bi. Bi có hai tướng: a- Quán sát như thật về nhân duyên của Khổ-Tập, tức là nhận biết về Thể tánh của Khổ; b- Từ “Phật tử, chí phục tác thị niệm: Thử chư phạm phu...” trở xuống là quán sát về Khổ sâu nặng, bởi vì con người mà nhiều tức là dựa vào con người để làm sáng tỏ về lỗi lầm.

Trong mục a- Quán sát như thật về nhân duyên tích tập của Khổ, có bốn: Một- Tổng quát nêu lên hai thời gian; Hai- Từ “Tri tòng...” trở xuống là thuận theo quán sát về hai thời gian; Ba- Từ “Hư vọng...” trở xuống là ngược lại quán sát về hai thời gian; Bốn- Từ “Nhược hữu...” trở xuống là kết luận về nhận biết như thật.

Tiết một- Tổng quát nêu lên hai thời gian: Trước tức là quá khứ, sau tức là vị lai, bởi vì hiển bày về tướng lưu chuyển không có bắt đầu và cuối cùng.

Trong tiết hai là thuận theo quán sát về hai thời gian: 1- Trình bày về thời gian trước; 2- Từ “Như tiền...” trở xuống là tương tự hiển bày về thời gian sau.

Trong tiết 1- Trình bày về thời gian trước, lại có hai: Trước là hiển bày về duyên tích tập của Khổ tụ; sau từ “Vô ngã...” trở xuống là hiển bày về Không-Vô ngã.

Tiết trước là hiển bày về duyên tích tập của Khổ tự: Vô minh-Hữu ái hiển bày về nhân của lưu chuyển, bởi vì hai loại này làm căn bản có thể phát khởi-có thể tưới thấm, Sinh tức là quả. Vì vậy kinh Niết Bàn nói: “Phạm vi căn bản (Bổn tể) của sinh tử gồm có hai loại: Một là Vô minh, hai là Hữu ái, khoảng giữa của hai loại này có Sinh-Lão tử.” Nay Bồ-tát quán sát điều này mà khởi Đại Bi, cũng giống như kinh Tịnh Danh nói: “Từ nơi Si có Ái thì bệnh của Ngã phát sinh rồi.” Nhưng quả của Sinh quả có ba: 1- Chúng sinh mong cầu về Dục mà lưu chuyển trong sinh tử, bởi vì Dục tham tức là nguồn gốc của thọ thân. 2- Chúng sinh mong cầu về Phạm hạnh hư vọng, cho nên không thể nào thay đổi để ra khỏi ngôi nhà của Uẩn, mà ngoại đạo chấp về Ngã thường trú trong đó. 3- Chúng sinh mong cầu về quả báo, cho nên Khổ tự tăng trưởng, bởi vì ba cõi đều Khổ.

Tiết sau là hiển bày về Không-Vô ngã, và tiết 2 là tương tự hiển bày về thời gian sau, đều hiển bày có thể biết.

Trong tiết ba là ngược lại quán sát về hai thời gian: Thuận tức là Khổ-Tập, nghịch tức là Đạo-Diệt, hư vọng đoạn hết tức là Diệt, xuất ly là Đạo.

Tiết bốn: Là kết luận về nhận biết như thật, tức là cùng kết luận về ba nghĩa có-không có, thuận-nghịch thuộc hai thời gian: 1- Dựa theo phàm phu, chỉ có Khổ-Tập mà không có Diệt-Đạo. 2- Dựa theo Bồ-tát, thuận có mà nghịch không có. 3- Cùng dựa theo phàm-Thánh, Diệt chân thật vốn có, Đạo cũng phù hợp; Khổ hư vọng vốn trống rỗng, Tập cũng giống như vậy, phàm phu mê mờ cho nên không hiểu-không biết, Bồ-tát đích thực hiểu rõ gọi là nhận biết như thật.

Mục b, là quán sát về Khổ sâu nặng, theo đuổi từ vô thỉ cho nên sâu, đủ loại sự việc về Khổ cho nên nặng. Trong văn có hai:

Tiết một- Tổng quát nêu lên là đáng thương, bởi vì không biết vốn là trống rỗng cho nên gọi là ngu si, không biết chán ngán lìa bỏ cho nên nói là không có trí, cũng có thể cùng bao gồm cho nên là đáng thương.

Tiết hai- Từ “Hữu vô số...” trở xuống là giải thích về nguyên cơ đáng thương, bởi vì mê mờ đối với hai Khổ: 1- Trình bày về Khổ sâu, không biết cho nên là đáng thương; 2- Từ “Như thị tận...” trở xuống là trình bày về Khổ nặng, không biết cho nên là đáng thương.

Trong tiết 2 có hai: Đầu là nhắc lại trước để chỉ trích sau; sau từ “Chuyển cánh...” trở xuống là chính thức trình bày về Khổ nặng. Trong tiết sau có ba:

Tiết a- Quán sát về Sinh là Khổ, quan hệ chủ yếu (Cơ quan) của

sự Khổ tức là Sinh khổ. Nói cơ quan, là hiển bày về Vô ngã, kéo ra thì lay động, dừng tay liền không có, nếu nhân tạo ra nghiệp thì đời đời không dứt. Từ “Tùy sinh tử...” trở xuống là trình bày về có Tập-Ái, từ “U chư uẩn...” trở xuống là trình bày về lìa xa Diệt-Đạo.

Tiết b- Từ “Bất tri...” trở xuống là quán sát về lão-bệnh-tử. Bốn con rắn độc to lớn, là không biết về bệnh khổ. Từ “Bất năng bạt...” trở xuống là trình bày đầy đủ về Tập ấy. Văn có bốn câu: 1- Chúng sinh mong cầu về Phạm hạnh hư vọng, không thể nào nhổ ra các mũi tên của Mạn-Kiến, mà ngoại đạo khởi lên nhiều. 2- Chúng sinh mong cầu về Dục, Thọ dục thì không thể nào ngừng được ngọn lửa của ba Độc. 3- Chúng sinh mong cầu về Dục, gây ra hành ác, không phá trừ Vô minh, bởi vì thấy một chút lợi mà gây ra hành Đại ác, sau nhận chịu Đại khổ cho nên gọi là hắc ám. 4- Chúng sinh mong cầu về quả báo, biển rộng của Ái dục không cạn, bởi vì Ái của ba cõi rộng lớn vô biên. Trong phần quán sát như thật, nói về ba mong cầu ấy, dùng làm quả của Khổ. Nay là Tập, bởi vì ba mong cầu ấy đều có thể làm nhân của Tập mà nhận lấy quả. Hai văn nêu ra lẫn nhau. Tiếp là không mong cầu mười Lực của bậc Đại Thánh Đạo Sư, trình bày về xa rời Diệt ấy, bởi vì không hưởng về Diệt. Từ “Nhập ma ý...” trở xuống là trình bày về xa rời Đạo ấy, bởi vì thuận theo đạo oán thù.

Tiết c- Từ “U sinh tử...” trở xuống là tổng quát kết luận về lỗi lầm tai họa, nêu ra biển sinh tử là tổng quát hiển bày đối với Khổ, sóng nước của Giác-Quán là tổng quát trình bày về có Tập. Trong này bao gồm hiển bày về nghĩa của Tử khổ, lược bớt không trình bày về Lão.

Trong mục sau là quán sát Đại Từ, có hai: a- Nhìn thấy cảnh khởi tâm Từ; b- Từ “Phật tử...” trở xuống là mở rộng về Nguyên làm nhiều lợi ích.

Trong mục a- Nhìn thấy cảnh khởi tâm Từ, có hai: Một- Nhìn thấy cảnh; Hai- Từ “Ngã kim...” trở xuống là khởi tâm Từ.

Tiết một- Nhìn thấy cảnh, tức là nhìn thấy chúng sinh nhận chịu khổ đau sâu nặng trước đây, lấy làm cảnh của Từ. Trong văn: Trước là tổng quát; sau từ “Vô cứu...” trở xuống là riêng biệt.

Trong tổng quát: Không có cha gọi là Cô, trình bày về trước mắt không có nơi nương nhờ. Mất hết không còn gọi là Cùng, trình bày về sau này không có nơi nương tựa. Gánh nặng không có ai thay thế gọi là Khốn, bởi vì thường nhận chịu sinh tử. Bị sức mạnh chèn ép gọi là Bách, bởi vì nghiệp phiền não luôn luôn lấn hiếp.

Trong riêng biệt: Không người cứu giúp-không nơi nương tựa, giải

thích về nghĩa của Cô trên đây, Luận nói: Nghĩa là Báo hiện tại (Hiện báo) đã nhận chịu không thể cứu thoát, nhân của Báo vị lai (Đương báo) khiến cho không có thiện làm chỗ dựa.

Tiếp là không có cồn bãi-không có nhà cửa, giải thích về nghĩa của Cùng trên đây. Bởi vì chìm vào sóng nước của Giác-Quán, cho nên không nghe đến Chánh pháp, cồn bãi của Trí là đối trị. Bởi vì ở nơi đồng hoang trống trải của sinh tử, cho nên không gặp được Thiện hữu, không có ngôi nhà Từ che chở.

Tiếp là không ai dẫn dắt-không có mắt nhìn, giải thích về nghĩa của Khốn trên đây. Bởi vì lìa bỏ Tịch tĩnh-Chánh niệm tư duy cứu cánh đi trước dẫn đường, cho nên lìa bỏ ánh mắt sáng ngời của Chánh kiến. Đã không ai dẫn dắt-không có mắt nhìn, không phải là khốn khổ thì như thế nào?

Tiếp từ “Vô minh...” trở xuống là giải thích về nghĩa của Bách trên đây. Vô minh, là Vô minh trụ địa, bởi vì phiền não xưa kia. Hắc ám, là bốn trụ thuộc về khách trần, mà luôn luôn khởi lên tà niệm. Bị che khuất vì những loại ấy, không nghe đến Chánh pháp, cho nên bị ràng buộc trong Vô minh hắc ám.

Trong tiết hai là khởi tâm Từ, tự mình vượt lên để tu tập pháp thiện, khiến cho chúng sinh đạt được niềm vui của Bồ-đề và Niết-bàn.

Mục b là mở rộng về Nguyện làm nhiều lợi ích, cũng làm sáng tỏ về những việc làm của tâm Từ. Trong văn có hai: Một-Nhắc lại tổng quát trình bày trước đây, tu tập pháp thiện trên đây đều vì cứu giúp che chở, tức là tướng của Từ. Hai-Từ “Lợi ích...” trở xuống là riêng biệt hiển bày về cứu giúp che chở, có mười loại tướng: Hai loại trước là cứu giúp vị lai, tám loại sau bao gồm hiện tại-vị lai: 1- Chúng sinh trú trong bất thiện, khiến cho họ trú vào lợi ích của pháp thiện. 2- Chúng sinh trú trong pháp thiện, khiến cho họ đạt được quả an lạc, nghĩa là bởi vì thành tựu pháp thiện ấy. 3- Thương xót người nghèo túng thiếu thốn, giúp cho họ đầy đủ tài sản đồ vật sinh hoạt. 4- Người tu hành gặp nhiều chướng ngại, khiến cho họ được thành tựu. Hai loại trên là cứu giúp về khổ thuận theo duyên không đầy đủ. 5- Người bị ràng buộc bởi thế gian, khiến cho họ được giải thoát. Sau có năm loại, khiến cho các ngoại đạo tin hiểu về Chánh pháp: 6- Người chưa tin thì thâm nhiếp khiến cho đích thực tin tưởng. 7- Khiến cho lìa bỏ chịu khó chịu khổ mà không có lợi ích. 8- Chúng sinh nghi ngờ mê hoặc, thì khiến cho trừ bỏ nghi ngờ mà hiểu biết thanh tịnh. 9- Đã trú trong quyết định thì khuyến khích tu tập ba Học, để điều phục ba nghiệp. 10- Đã trú trong ba Học, thì khiến cho

đạt được Niết-bàn. Ba loại trên tức là Giải-Hạnh-Chứng. Ý của Luận đều vì ngoại đạo, lý thật thì ba loại sau bao gồm tất cả các loại khác. Trên đây là Hạnh thù thắng không trú vào đạo, xong.

Phần 3: Từ đây trở xuống là trình bày về Quả thù thắng của Địa, tức là quả của Hạnh thù thắng không trú vào đạo, có bốn quả thù thắng: a- Thù thắng về thâm nhiếp đức khéo léo; b- Từ “Danh vi vô yếm túc...” trở xuống là thù thắng về tu hành; c- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát như thị cần tu...” trở xuống là thù thắng về giáo hóa chúng sinh; d- Từ “Phật tử, Bồ-tát Ma-ha-tát vi lợi ích...” trở xuống là thù thắng về khởi Trí tùy thuận thế gian.

Trong bốn quả: Hai quả đầu là Tự lợi, tức là quả thuộc Trí thanh tịnh trong pháp đã nhận biết, quả trước là Tự phần, quả sau là Thắng tiến. Hai quả sau tức là quả thuộc về phương tiện chịu khó Lợi tha, quả trước là Hạnh giáo hóa người khác, quả sau là Trí giáo hóa người khác.

Trong phần a- Thù thắng về thâm nhiếp đức khéo léo, có mười câu:

Ba câu đầu là thâm nhiếp về Văn (nghe) thù thắng, nhưng có hai nghĩa: 1- Tức là ba Tuệ, như thứ tự phối hợp với Văn-Tư-Tu; 2- Hiển bày về hai Trì, Niệm tức là Trí thuộc về Văn trì, và có hướng về (Hữu thú) tức là thuộc về Nghĩa trì. Nghĩa có nhiều loại, sơ lược nói về hai loại khéo léo, nghĩa là Trí tức Trí thù thắng về pháp, có hướng về tức là Trí thù thắng về Nghĩa. Nhưng giải thích hai nghĩa đều là Văn ở đầu, cho nên Luận gọi là thâm nhiếp về Văn thù thắng.

Hai câu tiếp là thâm nhiếp về Giới thù thắng: 1- Nhẫn nhục nhu hòa thù thắng, tức là nhân của Giới thành tựu, nghĩa là trong lòng hỗ thẹn, tối tăm-sáng tỏ không lừa dối, tự giữ gìn bảy Chi, không làm cho khinh chê phỉ báng, cho nên có thể trì giới. 2- Giới thù thắng không có thiếu sót, tức là Thể của Giới thành tựu, thậm chí mạng sống khó giữ mà cũng không rời bỏ Giới.

Năm câu sau là thâm nhiếp về Trí thù thắng: 1- Trí về nhân duyên tích tập, Trí này nhận biết về pháp tướng, không có nhân-trái với nhân gọi là Phi xứ, đích thực nhân duyên tích tập gọi đó là Xứ, nhận biết về Xứ đối trị với Phi xứ, cho nên gọi là bậc Giác ngộ. 2- Chứng Trí nhận biết đối trị về ma sự, bởi vì tùy theo Thức phân biệt đều là ma sự. 3- Trí nhận biết về vọng thuyết đối trị các thuyết lạ lùng, tức là Trí nhận biết về Giáo, Chánh thuyết là câu nghĩa phù hợp, Tà thuyết là câu nghĩa không phù hợp, Tà-Chánh xen tạp lẫn lộn thì chọn bỏ Tà để giữ lấy

Chánh, gọi là khéo léo phân biệt. 4- Trí về thần lực khởi Dụng, dựa vào Định khởi lên thần thông mà đối trị nường tựa tà vạy. 5- Trí về giáo hóa chúng sinh, làm cho khuất phục để thâm nhiếp tiếp nhận thích hợp tùy theo thế gian. Trong năm câu trên: Ba câu trước là Tự lợi, hai câu sau là Lợi tha.

Phần b: Thù thắng về tu hành, có mười một câu:

Bốn câu trước là Tự phần: 1- Hạnh thuộc nhân tăng trưởng, bởi vì tích tập phước của năm Độ. 2- Hạnh thuộc nhân nường tựa, bởi vì Tuệ làm chỗ dựa. Đây là một cặp về Phước-Trí của Tự lợi. 3- Hạnh giáo hóa chúng sinh không mệt mỏi. 4- Hạnh khiến cho chúng sinh chứng Diệt. Hai loại này là một cặp về nhân-quả của Lợi tha.

Bảy câu sau là Thắng tiến: 5- Khởi hạnh về pháp của Phật. 6- Khởi hạnh về Tịnh độ. Đây là một cặp về Y-Chánh. 7- Dựa vào Pháp thân Phật, mà khởi hạnh về tướng hảo của Pháp thân. 8- Dựa vào những việc làm của Phật, mà khởi hạnh hiển bày về Dụng của ba nghiệp bí mật. Hai loại này là một cặp về tướng bên ngoài-bí mật bên trong. Bốn loại trên đây đều phát khởi Bồ-đề. 9- Hạnh kính trọng giáo pháp, bởi vì tiến lên dựa vào thù thắng của mình. Năm câu trên là Tự lợi, hai câu sau là Lợi tha. 10- Hạnh nguyện chọn lấy quả báo. 11- Hạnh lìa xa Tiểu thừa. Tức là một cặp về hiển bày đúng-chọn bỏ sai.

Trong phần c- Thù thắng về giáo hóa chúng sinh, có hai: Một-Chính thức trình bày về giáo hóa chúng sinh; Hai- Từ “Phật tử...” trở xuống là kết luận về Hạnh thành tựu lợi ích.

Mục một- Chính thức trình bày về giáo hóa chúng sinh, phân hai: Đầu là tổng quát dùng bốn Nhiếp để thâm nhiếp chúng sinh. Sau từ “Thị hiện sắc thân...” trở xuống là riêng biệt trình bày về bốn Nhiếp, văn có tám câu:

1- Thị hiện sắc thân là Đồng sự nhiếp, tùy thuận chúng sinh mà ứng hiện giáo hóa chúng của mình.

2- Thuyết giảng về giáo pháp là Ái ngữ nhiếp, lời nói chân thật-lời nói đúng pháp là tánh của Ái ngữ. Trong tất cả các loại Ái ngữ, phần nhiều dựa theo thuyết giảng làm cho thông suốt (Khai diễn). Luận nói: Vì chúng sinh nghi ngờ mê hoặc, tức là lời nói trong tất cả các môn.

3- Từ “Khai thị...” trở xuống đều là Lợi hành nhiếp. Câu này vì chúng sinh không có phương tiện hưởng về Bồ-đề, thì nêu ra hạnh của Bồ-tát, tức là tự tánh của Lợi hành.

4- Chúng sinh mệt mỏi rã rời đối với Đại thừa, thì nêu ra uy lực của Phật, tức là tất cả Lợi hành chưa thành tựu mà khiến cho thành

tự.

5- Vì chúng sinh vui thích thế gian, mà đắm theo tiền của-địa vị, nêu ra sai lầm ấy, trình bày về địa vị lớn thì buồn lo lớn, tiền của nhiều thì tai họa nhiều.

6- Vì chúng sinh không tin Đại thừa, hạnh trước kia chưa thù thắng, thì khéo léo ca ngợi về Trí của Như Lai.

7- Vì ngoại đạo không có Trí, thì dùng thần thông để thị hiện. Ba loại trên tức là Lợi hành khó thực hành.

8- Tổng quát hiển bày về tất cả các môn-tất cả chủng loại thuộc về Lợi hành, cho nên nói là đủ loại phương tiện.

Nhưng Lợi hành-Ái ngữ cũng có thể sử dụng xen lẫn với nhau, bởi vì Ái ngữ ấy chỉ rõ về pháp đã học, tức là vì Lợi hành.

Tiếp về sau là mở rộng trình bày về bố thí, mà trong riêng biệt tóm lược không có bốn Nhiếp, nghĩa mở rộng như luận Du Già quyển thứ 43 phân rõ.

Trong mục hai: Là kết luận về Hạnh thành tựu lợi ích: Đầu là kết luận về mục trước; sau từ “Tâm hằng...” trở xuống là thành tựu về lợi ích. Hưởng về Trí của Phật, là bởi vì giáo hóa chúng sinh, lại mong cầu về Lực thù thắng. Văn còn lại nói về đã làm thì không lui sụt, chưa làm thì tăng thêm tu tập.

Phần d: Thù thắng về khởi Trí tùy thuận thế gian, là trình bày về đối trị với chướng ngại-nhiễm ô. Nhiễm ô tức là Phiền não, chướng ngại tức là Sở tri. Văn phân làm ba: Một- Tổng quát nêu lên nhiều môn; Hai- Từ “Sở vị...” trở xuống là riêng biệt nêu ra tướng ấy; Ba- Từ “Cập dư...” trở xuống là tổng quát kết luận về thành tựu lợi ích.

Trong mục hai, hiển bày về tướng của năm Minh, bởi vì kinh Đại Bát Nhã nói: “Bồ-tát ở Địa thứ năm học về năm Minh.” Năm Minh thì phân làm năm mục:

Mục 1- Văn tự-toán số, là Thanh minh. Bao gồm đối trị về chướng ngại của Trí yếu hèn. Nói về văn tự, là Danh-Cú-Văn thân, tức là pháp thi thiết-kiến lập trong Thanh Luận. Toán số tức là kiến lập về số lượng. Lại đối trị chướng ngại sinh ra nghi ngờ về lấy và cho.

Mục 2- Đồ thư đều hết sức thông đạt, tức là Nhân Minh. Đồ thư thông đạt, chính là nghĩa của Minh. Dủ loại Luận, là các loại Ngôn Luận, Thượng Luận, Tránh Luận, Hủy Báng Luận, Thuận Chánh Luận, Giáo Đạo Luận..., không phải là một. Địa-Thủy-Hỏa-Phong tức là thâm nhiếp trong Tránh Luận, nghĩa là các tà kiến-chấp trước không giống nhau. Ngoại đạo Thuận Thế, chỉ lấy Địa làm nhân, bởi vì tất cả đều

từ vi trần mà thành. Ngoại đạo thuộc hai Tiên về Thủy-Phong, dùng Phong-Thủy làm nhân, bởi vì thế giới do Thủy mà thành, do Phong luân mà duy trì. Ngoại đạo thờ Hỏa, dùng Hỏa làm nhân, bởi vì Hỏa làm cho thành thực. Đồ thư-Ấn tử tức là Thượng Luận, bởi vì tùy theo pháp đã nghe của thế gian. Vả lại, Đồ thư này cũng là Chánh giáo lượng, tức là đối trị chướng ngại về quên mất trong sự việc đã sử dụng. Luận nói: Lấy và cho nương vào gởi gắm, tức là chướng ngại trong sự việc. Nghe pháp và suy nghĩ về nghĩa lý là chướng ngại trong hiểu biết. Làm-không làm, đã làm-chưa làm, nên làm-không nên làm, đều là chướng ngại trong nghiệp. Chướng ngại về Ấn cũng tức là Hiện lượng. Lại đối trị chướng ngại không giữ gìn vật đã chọn lấy, Tử tức là Ấn ngọc.

Mục 3- Từ “Hựu thiện...” trở xuống, tức là Y phương minh. Ngay nơi bốn Đại không điều hòa, mà đối trị chướng ngại về bệnh thuộc tướng độc của chúng sinh. Khéo léo chữa trị có thể đoạn dứt đều là phương tiện của đoạn trừ, đoạn dứt rồi không sinh ra cho nên gọi là khéo léo. Nhân của bệnh-tướng của bệnh từ điên đại đến trùng độc, trong đó bốn Đại bên trong là trái ngược..., chúng sinh bên ngoài là quý..., trùng độc bao gồm hai loại, bởi vì có độc như cỏ độc-rắn độc... Luận về Kinh nói: Bùa chú-thuốc men... tức là đối trị về nhân của chết-nhân của bệnh, tức là khéo léo thâm nhiếp về phương thuốc chữa trị.

Mục 4- Từ “Văn bút...” trở xuống là Công xảo minh. Văn-Bút-Tán-Vịnh tức là Thư-Toán-Kế-Độ, bởi vì Thư đã thâm nhiếp trong Số-Ấn-Công-Nghiệp. Thuộc về Vận gọi là Văn, Từ đối đáp gọi là Bút, hiển bày về đức là Tán, nương vào tình gọi là Vịnh. Tiếp theo từ Ca đến Đàm Thuyết, tức là giỏi về nghề nghiệp âm nhạc. Sự việc ấy đều khéo léo, bao gồm hai văn trên, đều đối trị chướng ngại về buồn lo phiền muộn. Từ đất nước-cung thành đến những điều thích hợp, tức là giỏi về nghề nghiệp kiến tạo. Cỏ cây hoa trái cũng bao gồm giỏi về nghề nghiệp trồng trọt. Đây tức là đối trị chướng ngại về không vui thích. Từ vàng đến chỉ ra cho người, tức là giỏi về nghề nghiệp sinh sống và thành tựu, đối trị chướng ngại về ràng buộc. Từ mặt trời-mặt trăng đến không có sai lầm, tức là giỏi về nghề nghiệp xem tướng, là đối trị chướng ngại về nhân làm ác vượt qua phạm vi của Báo đã đạt được, nghĩa là đều do nhân ác của đời trước, mà cảm đến sự lành-dữ... này. Mặt trời-mặt trăng-năm ngôi sao dùng làm Thất Diệu và hai mươi tám tinh tú, đều là ở trên nhận biết về Thiên văn; mặt đất rung động tức là ở dưới nhận biết về Địa lý. Từ giấc mộng đêm đến lành dữ(Hưu cửu), tức là ở giữa nhận biết về tình người, chim hót thì xét kỹ tình chim, cũng là

do tình người mà cảm, tất cả đều khéo léo không có sai lầm. Tổng quát đến cuối cùng ba tài năng nói trên.

Mục 5- Từ “Trì giới...” trở xuống là Nội minh, đối trị về năm loại nhiệm: Một- Trì giới đối trị về nhiệm của phá giới; Hai- Nhập thiền đối trị về nhiệm của tham dục; Ba- Thần thông đối trị về nhiệm của quy y tà giáo; Bốn- Vô lượng đối trị về nhiệm của công đức do thực hành xằng bậy, nghĩa là đối trị về sát sinh để cúng tế mà mong cầu phước của cõi Phạm; Năm- Bốn Định Vô sắc đối trị về nhiệm của giải thoát do tu tập xằng bậy.

Trên đây đã giải thích phần nhiều dựa vào Luận này và luận Du Già quyển thứ 13-14-15. Trong đó lại có Lý riêng biệt, sợ rằng chán ngán vì văn nhiều cho nên không nêu ra. Vả lại, Luận và Kinh có những nơi không theo thứ tự, nhưng có thể dùng Luận dựa vào Kinh, chứ không thể đem Kinh chuyển theo Luận.

Mục ba- Tổng quát kết luận về thành tựu lợi ích: Phát khởi về Trí thế gian này đầy đủ bốn loại tướng: 1- Bởi vì trong chướng ngại khác mà không có chướng ngại, nói là chỉ đối với chúng sinh không làm cho tổn hại phiền muộn. Trong sự việc không nhận biết, gọi đó là chướng ngại; tổn hại phiền muộn phát sinh sự việc lại là chướng ngại khác trong sự việc, nay không có chướng ngại khác về săn bắn-đánh bắt... này. 2- Bởi vì trao cho niềm vui không có lỗi lầm tức là làm lợi ích, nghĩa là tuy không phiền muộn mà khiến cho nhiệm trước niềm vui ấy, thì cũng không làm điều đó. 3- Phát khởi thanh tịnh tức là tất cả đều chỉ bày rõ ràng, nghĩa là có thể khởi lên sự việc của Trợ đạo. 4- Dụng của pháp thanh tịnh, tức là từng bước khiến cho an trú trong pháp Vô thượng của Phật, nghĩa là sử dụng pháp này mà đạt được thanh tịnh.

Phần sau là phân rõ về Quả của phần vị, cũng có ba quả:

Phần 1: Quả Điều Nhu cũng có bốn: Một- Hạnh Điều Nhu; Hai- Trí thuộc Giáo thanh tịnh; Ba- Tướng thuộc Hạnh riêng biệt của Địa; Bốn- Kết thúc thuyết giảng về tướng của Địa.

Trong mục một là Hạnh Điều Nhu có Pháp-Dụ-Hợp.

Trong Pháp: Bên trong chính thức khởi Hạnh, lại trải qua nghe pháp đạt được Đà-la-ni. Luận nói: Không phải là đạt được Nghĩa trì, là so sánh thù thắng để hiển bày yếu kém, bởi vì Bát-nhã chưa hiện rõ trước mắt. Sở dĩ đạt được Văn trì, là bởi vì đạt được hai điều khó đạt được: 1- Mười tâm bình đẳng bắt đầu của Địa, khó đạt được mà có thể đạt được; 2- Vui với Trí xuất thế gian, hiện rõ Trí thế gian ở trong Địa, đây là không trú vào đạo, khó đạt được mà có thể đạt được. Hai điều

khó này so sánh yếu kém mà hiển bày thù thắng, cho nên đạt được Văn trì không giống nhau, Địa thứ ba chỉ là Văn trì thuộc về thế gian.

Trong Dự: Vàng ròng và Xa-cừ mài sáng, Chứng Trí phù hợp với Như thuộc về Sự là vàng ròng, ánh sáng của Giáo Trí có thể thị hiện Như thuộc về Sự, giống như Xa-cừ ấy.

Trong mục hai- Từ “Phật tử, Bồ-tát trú thử Nan Thắng...” trở xuống là Trí thuộc Giáo thanh tịnh. Mặt trời-mặt trăng..., Luận nói: Dựa vào A-hàm tăng trưởng, ánh sáng Trí tuệ thù thắng so với Trí của Địa trước, nghĩa là thù thắng so với ánh sáng của ngọc báu ở Địa trước.

Văn còn lại như trước trình bày.

Phần ba: Phần trùng tụng, có hai mươi hai kệ, phân ba: 1- Mười bảy kệ đầu, tụng về Hạnh của Địa; 2- Bốn kệ tiếp, tụng về Quả của Địa; 3- Một kệ sau cuối kết thúc thuyết giảng.

Trong mười bảy kệ lại có ba:

Một: Có năm kệ ba câu, tụng về phần đối trị Mạn thuộc thù thắng, trong đó: Bốn kệ đầu, tụng về mười tám bình đẳng, còn lại tụng về Hành của đạo thuộc Như.

Hai: Từ “Liễu tri...” trở xuống có sáu kệ ba câu, tụng về không trú vào đạo, trong đó: Đầu là hai kệ một câu, tụng về Trí thanh tịnh trong pháp đã nhận biết; sau từ “Ký quán tri...” trở xuống là bốn kệ rưỡi, tụng về phương tiện chịu khó giáo hóa chúng sinh. Trong đó: Một kệ đầu tụng về hai tâm Từ-Bi, khởi lên quán sát tổng quát đối với pháp hữu vi hư ngụy; một kệ rưỡi tiếp, tụng về quán sát duyên tích tập của Khổ trong quán sát Bi; một kệ rưỡi tiếp, tụng về quán sát Khổ sâu nặng; nửa kệ sau tụng về quán sát Đại Từ.

Ba: Từ “Danh vi...” trở xuống có bốn kệ rưỡi, tụng về Quả thù thắng ấy, trong đó: Nửa kệ đầu tụng về phần thâm nhiếp công đức thù thắng; một kệ tiếp tụng về phần tu hành thù thắng, trong đó câu Như vậy tất cả vì chúng sinh, bao gồm tụng về phần giáo hóa chúng sinh thù thắng; ba kệ sau là tụng về phần phát khởi Trí thế gian thù thắng.

Phần tụng về Quả của Địa, ba Quả có thể biết. Địa thứ năm, xong.

